

BẢN TIN HÀNG NGÀY

06 Tháng 01 2026

Vn-Index chính thức vượt 1,800 điểm

- Vn-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, nhưng sau đó tăng mạnh trong phiên chiều và đóng cửa tăng tới 27.87 điểm, chính thức vượt 1,800 điểm
- VHM tiếp tục tăng trần phiên thứ 2 liên tiếp
- Nhiều mã vốn hóa lớn khác cũng tăng trần như VRE GAS PLX BVH GVR
- Ngoài 4 mã Vingroup, nhóm ngân hàng, dầu khí và khu công nghiệp tăng tốt nhất. Trong nhóm ngân hàng, các mã tăng tốt nhất là LPB MBB VPB CTG TCB
- Nhóm chứng khoán giảm điểm trong hầu hết ngày, nhưng được kéo về vùng tham chiếu trong cuối phiên
- Bất động sản lại là nhóm giảm điểm (tất nhiên không bao gồm 4 cổ phiếu Vingroup)
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 3.8% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

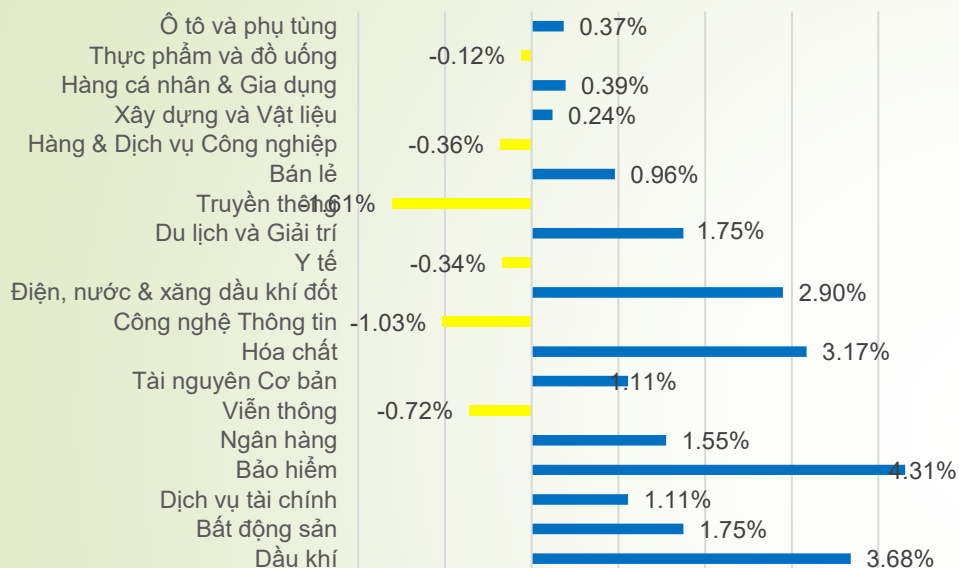


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,816.3	246.5	120.1
(+/-)	27.87	-0.22	-0.47
(%)	1.56%	-0.09%	-0.39%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	815	76	44
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	24,743	881	554
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(405)	(94)	(5)
Số mã tăng	167	82	97
Số mã giảm	153	65	101
Số mã giá không đổi	52	58	80

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	21.31	1.41
2	Nguyên vật liệu	14.66	1.48
3	Công nghiệp	12.10	1.93
4	Hàng Tiêu dùng	17.39	2.56
5	Dược phẩm và Y tế	17.92	1.70
6	Dịch vụ Tiêu dùng	26.32	4.39
7	Viễn thông	20.95	5.34
8	Tiện ích Cộng đồng	14.54	1.84
9	Tài chính	27.22	2.95
10	Ngân hàng	9.95	1.61
11	Công nghệ Thông tin	17.80	3.64

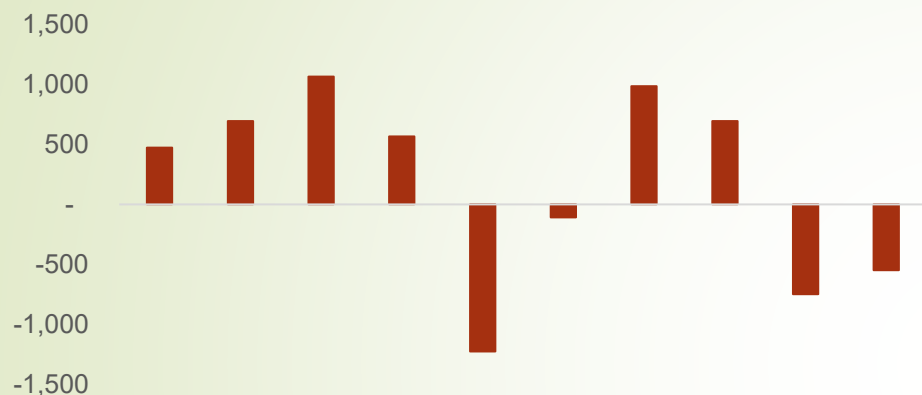
- Như vậy, Vn-Index đã chính thức vượt vùng kháng cự 1,800 điểm. Động lực quan trọng giúp Vn-Index vượt đỉnh lịch sử tất nhiên là nhờ 4 cổ phiếu Vingroup (VIC VHM VRE VPL)
- Tuy vậy, hôm nay cũng có thêm sự trợ giúp từ nhóm ngân hàng và dầu khí, vốn có cơ bản rất tốt, nên cũng có thể yên tâm hơn đôi chút
- Tuy vậy, rủi ro lớn nhất vẫn là, các cổ phiếu Vingroup đã tăng quá cao, liệu khi các cổ phiếu này điều chỉnh có làm thị trường chung gặp áp lực bán hay không?
- Hơn nữa, mặc dù Vn-Index vượt đỉnh, vẫn có nhiều cổ phiếu giảm vỡ hỗ trợ ngay trong ngày hôm nay như CII CEO PDR DXS L14
- Tóm lại, dù hôm nay VN-Index vượt đỉnh, chúng tôi vẫn thấy đầu chỉ là 1 phiên tăng vừa phải, dòng tiền chưa thực sự lan tỏa ở đa phần các nhóm ngành, số lượng mã giảm vẫn rất lớn
- Tuy nhiên, đó chỉ là nhận định trên góc độ kỹ thuật ngắn hạn. Về mặt cơ bản, vùng định giá hiện tại đã rất hấp dẫn để mua tích lũy cổ phiếu.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
MBB	5.13%	VHM	6.94%	DSE	2.25%	FMC	0.84%	PC1	6.99%	ACG	2.54%	GAS	6.98%	GVR	6.99%
VPB	3.41%	VRE	6.88%	SSI	1.72%	VNM	0.83%	CTR	2.04%	PTB	1.81%	NT2	1.85%	DPR	6.67%
TCB	3.00%	BCM	4.42%	EVF	1.40%	DBC	0.75%	VGC	1.20%	DHC	0.29%	PGV	1.29%	PHR	2.64%
LPB	2.96%	SZC	1.72%	DSC	1.38%	BAF	0.54%	HHV	0.00%	HPG	0.00%	POW	0.79%	DPM	1.56%
TPB	2.71%	SJS	1.50%	FTS	1.26%	VHC	0.36%	VCG	0.00%	HSG	-0.32%	REE	0.66%	CSV	0.56%
CTG	1.97%	QCG	1.04%	CTS	0.65%	HAG	0.30%	HTI	-0.43%	NKG	-0.69%	GEG	0.00%	DCM	0.15%
EIB	1.19%	SIP	0.77%	AGR	0.33%	MSN	0.26%	BMP	-0.57%			CHP	0.00%	AAA	-0.39%
BID	1.17%	KBC	0.72%	VCI	0.15%	ANV	0.20%	CTD	-0.80%			SHP	0.00%	VFG	-2.88%
OCB	0.85%	KOS	0.13%	HCM	0.00%	MCM	-0.38%	CII	-5.24%			TDM	0.00%	DGC	-3.82%
MSB	0.81%	VIC	0.00%	VIX	0.00%	PAN	-0.74%					VSH	0.00%		
SHB	0.62%	NVL	0.00%	BCG	0.00%	ASM	-0.78%					HNA	0.00%		
SSB	0.58%	KDH	-0.16%	VND	-0.27%	VCF	-1.04%					PPC	-0.10%		
VCB	0.35%	PDR	-0.27%	ORS	-0.38%	SAB	-1.14%					PGD	-0.21%		
HDB	0.35%	HDG	-0.38%	BSI	-0.40%	KDC	-1.15%					BWE	-1.74%		
VIB	0.28%	IJC	-1.41%	TVS	-1.02%	BHN	-1.25%					TMP	-4.52%		
NAB	0.00%	CRE	-1.66%	VDS	-2.11%	SBT	-1.61%								
ACB	0.00%	DXS	-1.68%												
STB	-2.07%	DIG	-1.73%												
		NLG	-1.77%												
		DXG	-2.06%												
		HDC	-2.25%												
		VPI	-2.61%												
		TCH	-3.63%												

Giao dịch khối ngoại

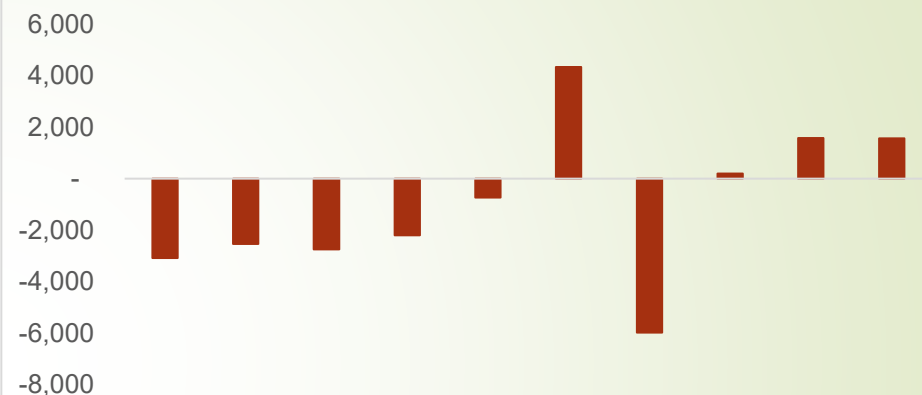
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	MBB	HOSE	323.98	16.68	307.30
2	VPB	HOSE	213.55	47.86	165.69
3	GEX	HOSE	130.47	29.74	100.74
4	VRE	HOSE	174.29	77.59	96.70
5	VIX	HOSE	159.17	71.47	87.70
6	LPB	HOSE	92.48	6.52	85.95
7	GEE	HOSE	52.06	3.33	48.73
8	PC1	HOSE	50.17	12.60	37.57
9	STB	HOSE	92.10	57.50	34.59
10	MSN	HOSE	46.00	18.20	27.80
11	BSR	HOSE	34.88	9.39	25.49
12	GVR	HOSE	21.91	0.46	21.45
13	GMD	HOSE	20.65	1.52	19.13
14	KDH	HOSE	42.80	24.64	18.16
15	DGW	HOSE	18.90	0.90	18.00

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	VIC	HOSE	131.00	556.59	- 425.59
2	VHM	HOSE	103.78	400.45	- 296.66
3	DXS	HOSE	1.80	210.00	- 208.20
4	TCB	HOSE	6.99	109.04	- 102.05
5	FPT	HOSE	148.85	246.03	- 97.18
6	VCB	HOSE	31.94	96.60	- 64.66
7	VNM	HOSE	18.86	81.59	- 62.73
8	HDB	HOSE	29.87	87.63	- 57.77
9	DGC	HOSE	5.25	59.70	- 54.45
10	SHS	HNX	10.84	56.54	- 45.70
11	ACB	HOSE	32.76	77.15	- 44.39
12	TCH	HOSE	13.38	47.70	- 34.32
13	ACV	UPCoM	0.85	33.53	- 32.68
14	BID	HOSE	21.29	53.42	- 32.13
15	VND	HOSE	29.93	54.57	- 24.65

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	61.76	1.66%	-0.29%	1.50%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	58.32	1.74%	0.41%	1.57%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,436.90	2.84%	2.58%	2.57%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,122	-0.01%	-0.01%	0.00%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,378	-0.01%	-0.01%	0.00%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,950	0.00%	0.41%	0.48%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	1.77%	0.00%	-4.54%	-2.27%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.07%	0.00%	0.00%	0.95%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.18%	0.00%	0.00%	1.01%

Tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam đạt 8.02%

GDP quý 4/2025 ước tính tăng 8.46% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất của quý 4 các năm trong giai đoạn 2011-2025, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý 1 tăng 7.05%, quý 2 tăng 8.16%, quý 3 tăng 8.25%).

Năm 2025, Việt Nam xuất siêu 20.03 tỷ USD

Năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 930.05 tỷ USD, tăng 18.2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17.0%; nhập khẩu tăng 19.4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20.03 tỷ USD.

Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27.62 tỷ USD, tăng 9% yoy, cao nhất trong 5 năm qua

Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 22.88 tỷ USD, chiếm 82.8% tổng vốn thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1.93 tỷ USD, chiếm 7.0%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 914.9 triệu USD, chiếm 3.3%.

Bản tin doanh nghiệp

HAGL Gro

Vint

HAGL rút khỏi HNG, dự kiến thoái toàn bộ hơn 91 triệu cp

HAG đăng ký bán toàn bộ cổ phần nắm giữ tại HNG theo hình thức thỏa thuận. Mục đích giao dịch là cơ cấu lại các khoản đầu tư. HAGL chỉ có thể thu về 585 tỷ đồng tại mức giá đang giao dịch hiện tại. Dù vậy, do là giao dịch thỏa thuận, số tiền thu thực tế có thể vượt trên mức này.



Cổ phiếu GVR bất ngờ tăng kịch trần, dự án khu công nghiệp 2.300 tỷ tại Tây Ninh được chú ý

Ngày 19/12, GVR đã khởi công dự án Khu công nghiệp Hiệp Thành – giai đoạn 1, có diện tích hơn 495ha, tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 2.350 tỷ đồng.



Hòa Phát lập kỷ lục bán hàng trong tháng 12

HPG ghi nhận sản lượng tiêu thụ 585.000 tấn trong tháng 12/2025, cao gấp rưỡi so với cùng kỳ năm 2024, với động lực tăng trưởng từ thị trường phía Nam. Lũy kế cả năm 2025, Hòa Phát ghi nhận 4,85 triệu tấn thép xây dựng, thép chất lượng cao các loại, vượt kế hoạch đề ra cho năm và tăng 8% so với năm 2024.

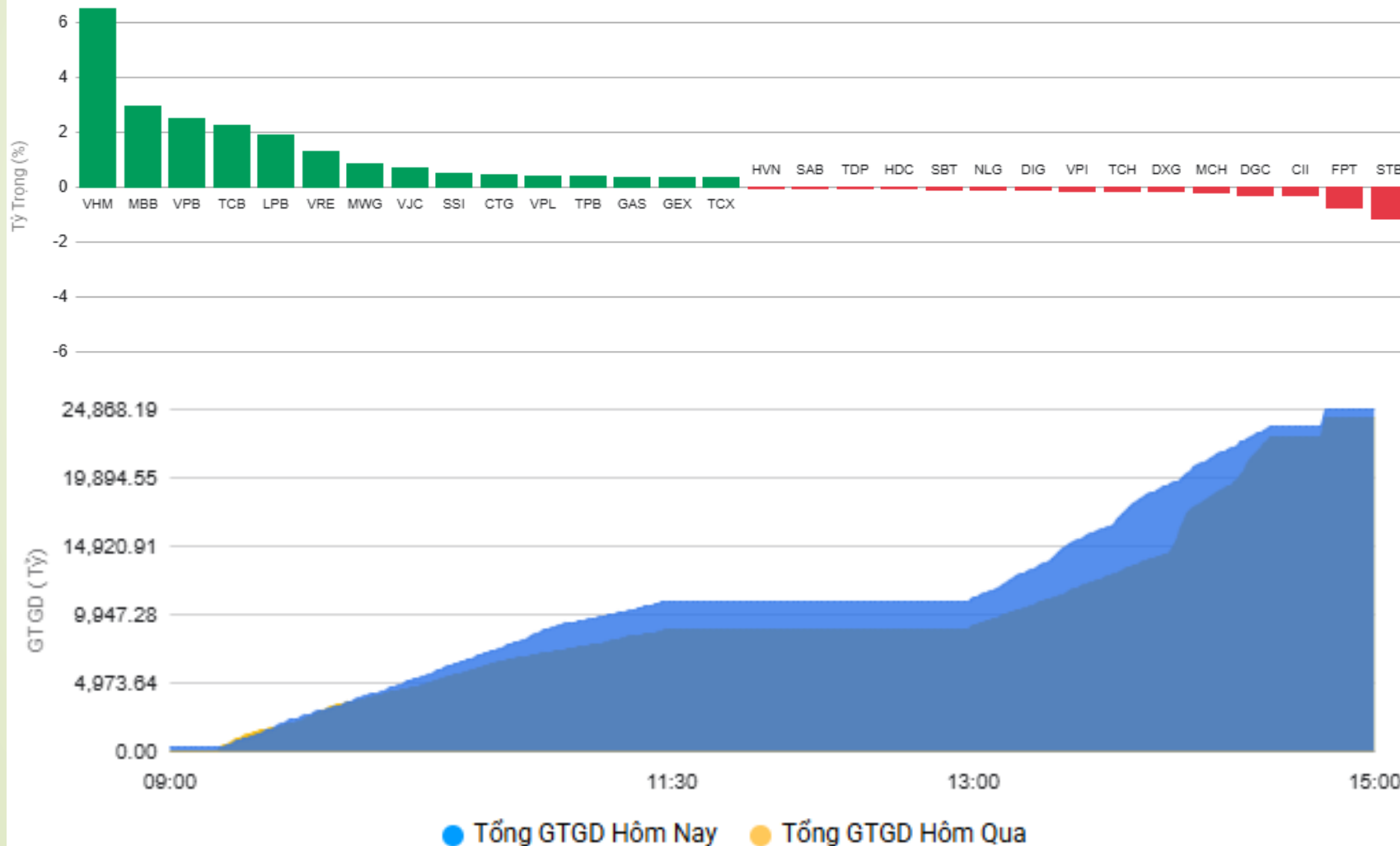
Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
DSE	07/01/2026	25/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7.00%	700
DSE	09/01/2026	09/01/2026	Phát hành cổ phiếu	4:1	15,000
GDT	07/01/2026	22/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
VCI	08/01/2026	20/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
CMD	09/01/2026	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	16.00%	1,600
MCH	09/01/2026	09/01/2026	Phát hành cổ phiếu	21.47%	
DSE	09/01/2026	09/01/2026	Phát hành cổ phiếu	4:1	15,000
CX8	09/01/2026	26/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1.00%	100
MCH	09/01/2026	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
PNJ	09/01/2026	28/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
DNH	12/01/2026	13/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14.00%	1,400
NTP	12/01/2026	20/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
PET	12/01/2026	29/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
SAB	12/01/2026	12/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
DSN	13/01/2026	11/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	24.00%	2,400
HC3	13/01/2026	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
KDC	13/01/2026	28/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.00%	1,200
ACL	15/01/2026	28/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
CTX	22/01/2026	22/01/2026	Phát hành cổ phiếu	27.24717%	
PHN	23/01/2026	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TẤN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (06/01/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	28,850	-5.4%	Link	Link
TPB	01/07/2024	24/12/2025	17,350	19,405	17,050	13.8%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/08/2025	21,250	32,200	36,000	-10.6%	Link	Link
MBB	29/08/2024	26/12/2025	24,850	26,907	26,650	1.0%	Link	Link
ACB	23/09/2024	23/12/2025	25,650	30,650	24,000	27.7%	Link	Link
HDB	15/10/2024	28/08/2025	27,150	27,220	29,050	-6.3%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	35,020	36,200	-3.3%	Link	Link
VCB	24/02/2025	31/12/2025	93,100	64,040	57,300	11.8%	Link	Link
BID	20/03/2025	10/10/2025	39,800	44,650	38,900	14.8%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	25,950	18.3%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	15,400	14.9%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	14,450	21.7%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	30,500	47.5%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	31,850	31.9%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	16,650	24.9%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	8,790	36.5%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	34,950	15.9%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	38,050	-21.2%	Link	Link
HAH	31/03/2025	10/12/2025	52,800	69,420	57,800	20.1%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	141,800	-38.5%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	56,700	-10.9%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	60,400	21.4%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	21,750	24.0%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	19,700	27.6%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	18,650	0.3%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	19,200	13.9%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	63,800	30.1%	Link	Link
VCG	29/08/2025	16/12/2025	25,550	26,800	22,150	21.0%	Link	Link
CTD	24/09/2025	29/12/2025	81,900	89,000	74,000	20.3%	Link	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.